TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HS - ST
Ngày: 07-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức

Ông Trương Văn Ánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2023/TLST- HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Tấn H**, sinh ngày 22/02/1985; tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn N sinh năm 1957 và bà Lê Thị B, sinh năm: 1955; vợ: Lê Thị Kiều O, sinh năm 1982; Con có 02 người (sinh năm: 2004 và sinh năm 2008); Anh chị em ruột có tất cả 04 người (kể cả bị cáo); Tiền án: Không. Tiền sự: 01 lần – Vào ngày 28/02/2023 bị Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân xử phạt hình chính về hành vi "Dùng nhà, chổ ở, phương tiện, địa điểm khác của mình hoặc do mình quản lý để chứa chấp việc đánh bạc", với số tiền 7.500.000 đồng. Nhân thân: Ngày 26/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023, đến ngày 19/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Kiều O, sinh ngày: 29/12/1982, Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, T. Vĩnh Long. Giới tính: Nữ.Tên gọi khác: Không có.Quốc tịch: Việt Nam.Dân tộc: kinh.Tôn giáo: Cao Đài. Trình độ học vấn: 04/12.Nghề nghiệp: Buôn bán.Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Lê Thành T, sinh năm: 1956. Và bà: Hồ Thị N1, sinh năm: 1956. Anh, chị, em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo). Chồng: Nguyễn Tấn H, sinh năm 1985. Con có 02 người (sinh năm: 2004 và sinh năm 2008). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày: 26/6/2023, đến ngày 05/7/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lâm Văn H1, sinh ngày: 05/12/1990, Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, Huyện B, Tỉnh Vĩnh Long. Giới tính: Nam.Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, Huyện B, T Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam.Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân: - Ngày 10/4/2017 bị Công an huyện Bình Tân xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc", với số tiền 1.500.000 đồng (đã xóa). - Ngày 26/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". (đã xóa án tích). Con ông: Võ Văn T1, sinh năm: 1969 và bà: Lâm Thị L, sinh năm: 1966.Chị: Lâm Thị T2, sinh năm: 1983. Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1993. Con: Nguyễn Gia H2, sinh năm: 2014. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thành N2, sinh ngày: 12/9/1989, Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, huyện B, Tỉnh Vĩnh Long. Giới tính: Nam.Tên gọi khác: Không có. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân:- Ngày 26/6/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm xử phạt: 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". (đã xóa án tích). - Ngày 19/6/2017 bị Công an huyện Tam Bình xử phạt hình chính về hành vi "Đánh bạc" với số tiền 1.500.000 đồng. (đã xóa). - Ngày 31/5/2018 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" (đã xóa án tích). Con ông: Nguyễn Thành R, sinh năm: 1962 và bà: Đoàn Thị T3, sinh năm: 1967. Anh: Nguyễn Tấn L1, sinh năm: 1983. Vợ: Phan Trúc M, sinh năm 1991 (đã ly hôn). Con: Nguyễn Trí K, sinh năm: 2009. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/8/2023, đến ngày 19/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thành D, sinh ngày 25/02/1982, Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 27/11/2020 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc" với số tiền 1.500.000 đồng. (đã xóa). Con ông: Lê Thành S, sinh năm: 1949, (chết) và bà: Huỳnh Thị E, sinh năm: 1958. Anh chị em ruột có tất cả 04 người. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/8/2023, đến ngày 01/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lâm Ngọc M1, sinh ngày: 01/01/1980, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, Huyện B, tỉnh Vĩnh Long.Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 02/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Vào ngày 03/9/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản" (đã xóa án tích). Con ông: Lâm Ngọc S1, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1963. Anh: Lâm Ngọc D1, sinh năm: 1977. Vợ: Trần Thị Bích N3, sinh năm 1992. Con: Có 02 người, sinh năm: 2017 và sinh năm: 2019.Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/8/2023, đến ngày 19/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày: 01/01/1967, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ F, ấp T, xã T, huyện B, Tỉnh Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Cao đài. Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Chạy xe honda khách. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 31/12/2020 bị Công an xã Tân Thành ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc" (chơi game bắn chim ăn thua bằng tiền) với số tiền 1.500.000 đồng (đã xóa). Con ông: Nguyễn Văn S2, sinh năm: 1934 (chết) và bà: Lê Thị B1, sinh năm: 1933 (chết). Anh, chị, em ruột có tất cả 04 người (kể cả bị

cáo). Vợ: Lê Thị H3, sinh năm: 1970. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023, đến ngày 01/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn T4, sinh ngày: 10/02/1992, giới tính: Nam.Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 07/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền án: Không. Tiền sự: 01 lần – Vào ngày 03/4/2023 bị Công an thị trấn Tân Quới ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" với số tiền 1.500.000 đồng. Con ông: Nguyễn Văn S2, sinh năm: 1954 và bà: Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1963. Anh chị em ruột có tất cả 05 người (kể cả bị cáo). Vợ: Trần Thị Hồng D2, sinh năm 1990 (đã ly hôn). Con: Nguyễn Dương Quốc A, sinh năm: 2016. Bị cáo Nguyễn Văn T4 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023, đến ngày 19/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Thanh T5, sinh ngày: 01/8/1979, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: khu phố B, phường A, quận A, TP HCM. Nơi ở hiện tại: tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Tài xế. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân: - Ngày 27/9/ 2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" (đã xóa án tích). - Ngày 05/01/2018 bị Công an huyện Bình Tân ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép" với số tiền 2.000.000 đồng (đã xóa).Con ông: Bùi Thanh X, sinh năm: 1959 và bà: Nguyễn Thị Kim H5, sinh năm: 1957.Anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo). Vợ: Văn Thị Mỹ H6, sinh năm 1979. Con có 02 người, sinh năm: 2004 và sinh năm: 2008.Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023, đến ngày 29/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Đặng Tấn L2, sinh ngày: 29/10/1988, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ D, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 04/12

Nghề nghiệp: Làm ruộng.Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Đặng Tấn H7, sinh năm: 1964 và bà: Hồ Thị C, sinh năm: 1968. Anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo). Vợ: Lê Thị N4, sinh năm 1991 (đã ly hôn). Con có 02 người, sinh năm: 2012 và sinh năm: 2014. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023, đến ngày 15/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Đào Văn C1, sinh ngày: 11/12/1983, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ 5, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Hòa Hảo.Trình độ học vấn: Lớp 05/12. Nghề nghiệp:Tài xế. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Đào Văn X1, sinh năm: 1949 và bà : Nguyễn Thị X2, sinh năm: 1951. Anh chị em ruột có tất cả 08 người (kể cả bị cáo). Vợ: Nguyễn Thị Kiều T6, sinh năm 1982.Con: Đào Thị Kiều M2, sinh năm: 2011. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023, đến ngày 31/7/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Văn T7, sinh ngày: 27/3/1990, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.Nơi ở hiện tại: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 09/12. Nghề nghiệp: Tài xế. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1961 và bà: Lê Thị H8, sinh năm: 1962. Anh, chị, em ruột có tất cả 04 người (kể cả bị cáo). Vợ: Phan Thị C2, sinh năm: 1986. Con: Nguyễn Thị Hồng T8, sinh năm:

2007. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2023, đến ngày 19/10/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Trần Văn B2, sinh ngày: 12/12/1992, giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ I, ấp T, xã T, Huyện B, Vĩnh Long.Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 06/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Không biết cha và bà : Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1968. Vợ, con: Không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/8/2023, đến ngày 08/9/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14. Từ Thị Mỹ T9, sinh ngày: 04/01/1999, giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không có.Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, huyện B, Tỉnh Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: Lớp 02/12.Nghề nghiệp: Làm thuê. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Từ Văn X3, sinh năm: 1974 và bà: Lê Kim P1, sinh năm: 1978. Anh chị em ruột có tất cả 03 người (kể cả bị cáo). Chồng: Không rõ. Con có 01 người sinh năm: 2023. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023, đến ngày 01/7/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15. Nguyễn Thị C3, sinh ngày: 01/01/1971, giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 07/12. Nghề nghiệp: Mua bán. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Con ông: Nguyễn Văn N5, sinh năm: 1944 và bà: Huỳnh Thị S3, sinh năm: 1942. Anh chị em ruột có tất cả 09 người (kể cả bị cáo). Chồng: Nguyễn Minh S4, sinh năm 1970. Con: Nguyễn Văn L3, sinh năm: 1998. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023, đến ngày 05/7/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Thị Kiều O là vợ chồng, cùng thuê căn nhà của anh Lê Minh H9 tại tổ E, ấp T, xã T, huyện B để ở và bán nước giải khát. Bị cáo H và O đã tổ chức cho nhiều người chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền để lấy tiền xâu từ nhà làm cái bão có được, đồng thời để bán nước uống và thuốc hút cho các đối tượng chơi tài xỉu, cụ thể như sau:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 26/6/2023, các bị cáo Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2, đến quán nước của vợ chồng bị cáo H, thì H điện thoại rủ bị cáo Lâm Văn H1 đến quán nước của H để lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền như các ngày trước thì H1 đồng ý. Bị cáo H1 mới lấy bộ tài xỉu theo rồi điều khiển xe mô tô đến quán nước của H, O.

Còn bị cáo H và O thì lấy tấm cao su chãi ra đất và để các ghế nhựa cho các đối tượng trên chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền ở dưới tán cây trứng cá tại khu đất trống cách quán nước của H và O khoảng 6 mét.

Khi H1 đến quán nước gặp H thì H nói với những người trong quán là ai chơi tài xỉu thì ra phía sau quán chơi, nên tất cả cùng nhau đi ra phía sau chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền.

Hình thức đặt cược quy định như sau: đặt *"Tài"* hoặc đặt *"Xỉu"*. Nếu cộng số nút trên 3 hột xí ngầu từ 03 đến 10 là *"Xỉu"*, còn từ 11 nút trở lên là "*Tài"*. Nếu 03 hột xí ngầu có số nút giống nhau thì nhà cái tới *"Bão"* (thì nhà cái ăn hết).

Bị cáo Lâm Văn H1 là người làm cái; còn Nguyễn Văn T7 là người làm vĩ (gom tiền và chung tiền thắng thua dùm cho H1) chơi với Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Nguyễn Thành N2, Lâm Văn M3, Trần Văn B2 thì đặt tụ trên xòng tài xỉu, mỗi tụ đặt từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng.

Bị cáo H1 làm cái được khoảng 20 bàn, bão được 02 lần, đã đưa tiền xâu cho bị can O 02 lần với số tiền 100.000 đồng và cho T7 02 lần (tiền làm vĩ) là 100.000 đồng. Do làm cái thua nhiều, nên H1 kêu Lê Thành D làm cái lắc tài xỉu thay cho H1; còn H1 thì làm vĩ (gom và chung chi tiền).

Khi các bị cáo chơi cho đến khoảng 12 giờ cùng ngày, thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc là: 6.900.000 đồng, 03 hột xí ngầu, 01 cái đĩa đã bị bể, 01 cái cốc nhựa, 01 tấm cao su, 09 cái ghế nhựa và nhiều vật chứng có liên quan.

Qua làm việc xác định được số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo là **7.850.000 đồng** (trong đó có: 6.900.000 đồng thu tại chiếu bạc, 100.000 đồng thu của bị cáo L2, 200.000 đồng thu của bị cáo K1, 250.000 đồng của bị cáo B2, 400.000 đồng của bị cáo H1, cất giữ trong người để chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền).

Qua điều tra, ban đầu các bị cáo đã khai báo rõ ràng, thừa nhận toàn bộ hành vi chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền với nhau. Còn bị cáo H có điện thoại rủ bị cáo H1 rủ đến quán của H để làm cái lắc tài xỉu cho nhiều bị cáo tham gia; H và O lấy tấm cao su, các ghế nhựa để cùng các bị cáo trên chơi tài xỉu và lấy tiền xâu nên bị bắt quả tang.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O, về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc", khởi tố bị cáo Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Văn M3, Trần Văn B2 về tội "Đánh bạc".

Trong quá trình điều tra, CQĐT đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Bị cáo Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vã nên các bị cáo rủ nhau tụ tập lại để lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền là sát phạt lẫn nhau. Trong đó bị cáo H1 là người làm nhà cái, bị cáo D giúp H1 làm cái; bị cáo T7 thì thu gom, chung chi tiền; các bị cáo còn lại thì đặt tụ ăn thua với nhà cái.

Lúc đầu bị cáo Nguyễn Tấn H điện thoại kêu bị cáo H1 đến để làm cái lắc tài xỉu rồi cùng bị cáo Lê Thị Kiều O cung cấp tấm cao su, ghế nhựa tạo thành chiếu bạc, để chơi lắc tài xỉu cùng các bị cáo trên và lấy tiền xâu tiêu xài cá nhân với số tiền thu lợi bất chính là 100.000 đồng

Đối với vật chứng Công an thu giữ xử lý như sau:

- Đối với 03 hột xí ngầu, 01 cái đĩa đã bị bể, 01 cái cốc nhựa, 01 tấm cao su, 09 cái ghế nhựa, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 6.900.000 đồng thu tại chiếu bạc, 100.000 đồng thu của bị cáo L2, 200.000 đồng thu của bị cáo K1, 250.000 đồng thu của bị cáo B2, 400.000 đồng của bị cáo H1, sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước

- Đối với: số tiền 5.100.000 đồng thu của bị cáo L2 thì sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc; số tiền 3.400.000 đồng thu của

bị cáo H không sử dụng đánh bạc; 910.000 đồng thu của bị cáo T5 thì không sử dụng đánh bạc; 900.000 đồng thu của bị cáo K1 thì sử dụng 200.000 đồng đánh bạc, còn 700.000 đồng không sử dụng đánh bạc; 10.900.000 đồng thu của bị cáo T9 thì không sử dụng đánh bạc; Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng của L2, 200.000 đồng của K1; cần trả lại cho L2 số tiền 5.000.000 đồng, cho T5: 910.000 đồng, cho K1 700.000 đồng, cho T9 10.900.000 đồng, cho H 3.400.000 đồng.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu của bị cáo O; 01 xe mô tô biển số 54Z6-0530 thu của bị cáo H1; 01 xe mô tô biển số 64Z1-2555 thu của bị cáo D; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu bạc, 01 xe mô tô biển số 66F3-0800 thu của bị cáo T4; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen thu của bị cáo C1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng và 01 xe mô tô biển số 64K1- 279.18 thu của bị cáo C3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu bạc, 01 xe mô tô biển số 60Z2- 4082 thu của bị cáo T5; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu bạc màn hình cảm ứng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím màu hồng thu của bị cáo K1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Oppo màu đen thu của bị cáo T9; 01 xe mô tô biển số 65E1-357.90 thu của bị cáo N2; 01 xe mô tô biển số 64K1- 242.95 thu của bị cáo B2, là tài sản riêng của từng bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc, cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 68S9-0355, số máy VMEVA 2074973, số khung: không có, thu của bị cáo K1. Qua tra cứu xe này không có trong hệ thống quản lý của Bộ C4. (xe do bị cáo K1 mua của người khác nhưng không rõ nguồn gốc), cần tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 64K1-009.95 thu của chị Lê Thanh L4 với số tiền 2.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe mô tô biển số 64K1-371.46 thu của Lê Nhựt N6, thì qua làm việc chị L4 và N6 không tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị L4 và N6 xong.

- Đối với số tiền 100.000 đồng, bị can T7 làm vĩ cho bị can H1 có được, là tiền thu lợi bất chính, cần tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước.

- Đối với số tiền 100.000 đồng mà bị can O lấy tiền xâu tại chiếu bạc có được thì O đã sử dụng đặt cược tài xỉu thua hết, còn 100.000 đồng mà O lấy tiền xâu những ngày trước khi bị bắt quả tang; số tiền 200.000 đồng bị can H1 tham gia chơi đánh bạc những ngày trước khi bắt quả tang, là tiền thu lợi bất chính, cần tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước.

Ngày 26/9/2023, bị can H1 nộp 600.000 đồng, bị can O nộp 100.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân để khắc phục vi phạm.

Tại Cáo trạng số 69/CT-VKSBT ngày 19/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc" quy định tại Điều 322 và Điều 321 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố, đã nhận thức được hành vi vi của mình là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn

giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc" quy định tại Điều 322 và Điều 321 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngoc M4, Trần Văn B2 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Hình phạt chính:

Đối với bị cáo: Nguyễn Tấn H

- Áp dụng điểm a, đ khoản 1, Điều 322; điều 17, điều 38; điểm s khoản 1 điều 51, điều 58 BLHS

Xử phạt bị cáo: Từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điều 17, điều 58, điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo: từ 06 tháng đến 09 tháng tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt 02 tội bị cáo phải chấp hành là: 01 năm 06 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

Đối với bị cáo: Lê Thị Kiều O

- Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 322; điều 17, điều 36; điểm s khoản 1, 2 điều 51, điều 58, điều 54 BLHS

Xử phạt bị cáo: từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điều 17, điều 58, điều 36; điểm s khoản 1,2 điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo: từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là từ 02 năm 03 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ.

Đối với: Lâm Văn H1

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 38; điểm s khoản 1, 2 điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo: từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với: Lê Thành D, Nguyễn Văn T7,

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1, điều 51 BLHS.

Xử phạt mỗi bị cáo: từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Đối với: Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm s khoản 1, điều 51 BLHS.

Xử phạt mỗi bị cáo: từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T4

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo: từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Đối với: Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Từ Thị Mỹ T9, Trần Văn B2

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS.

Xử phạt mỗi bị cáo: từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ

Đối với: Nguyễn Tuấn K1

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1,2 điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo: từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ

Hình phạt bổ sung:

- Áp dụng khoản 3, Điều 322 BLHS

Phạt bị cáo Nguyễn Tấn H: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Phạt bị cáo Lê Thị Kiều O từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS:

Phạt bị cáo Lâm Văn H1: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Phạt bị cáo Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Văn M3, Nguyễn Văn T4, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Tuấn K1, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Từ Thị Mỹ T9, Đặng Tấn L2, Trần Văn B2 (do có xác nhận gia đình khó khăn)

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Lê Thị Kiều O, Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Trần Văn B2, Từ Thị Mỹ T9, Nguyễn Tuấn K1.

Về Biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 03 hột xí ngầu, 01 cái đĩa đã bị bể, 01 cái cốc nhựa, 01 tấm cao su, 09 cái ghế nhựa,

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Đối với số tiền 6.900.000 đồng thu tại chiếu bạc, 100.000 đồng thu của bị cáo L2, 200.000 đồng thu của bị cáo K1, 250.000 đồng thu của bị cáo B2, 400.000 đồng của bị cáo H1, sử dụng để đánh bạc

- Đề nghị trả lại cho bị cáo L2 5.000.000 đồng; bị cáo T5 910.000 đồng; bị cáo K1 700.000 đồng; bị cáo T9 10.900.000 đồng, bị cáo H1 3.400.000 đồng vì không sử dụng đánh bạc; nhưng cần giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đề nghị trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu của bị cáo O; 01 xe mô tô biển số 54Z6-0530 thu của bị cáo H1; 01 xe mô tô biển số 64Z1-2555 thu của bị cáo D; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đồng, 01 xe mô tô biển số 66F3-0800 thu của bị cáo T4; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen thu của bị cáo C1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng và 01 xe mô tô biển số 64K1- 279.18 thu của bị cáo C3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu bạc, 01 xe mô tô biển số 60Z2- 4082 thu của bị cáo T5; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu bạc màn hình cảm ứng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím màu hồng thu của bị cáo K1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Oppo màu đen thu của bị cáo T9; 01 xe mô tô biển số 65E1-357.90 thu của bị cáo N2; 01 xe mô tô biển số 64K1- 242.95 thu của bị cáo B2, vì là tài sản riêng của từng bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc.

- Đề nghị tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước: chiếc xe mô tô biển số 68S9-0355, số máy VMEVA 2074973, số khung: không có, thu của bị cáo K1. Vì qua tra cứu xe này không có trong hệ thống quản lý của Bộ C4. (xe do bị caáo K1 mua của người khác nhưng không rõ nguồn gốc).

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Tân trả lại: 01 xe mô tô biển số 64K1-009.95 cho chị Lê Thanh L4; số tiền 2.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe mô tô biển số 64K1-371.46 cho Lê Nhựt N6.

- Buộc bị cáo T7 nộp số tiền 100.000 đồng, thu lợi bất chính (tiền làm vĩ cho bị cáo H1 có được), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước.

- Tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước: số tiền 100.000 đồng mà O lấy tiền xâu những ngày trước khi bị bắt quả tang; số tiền 200.000 đồng bị cáo H1 tham gia chơi đánh bạc những ngày trước khi bắt quả tang.

Bị cáo H1 được khấu trừ số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0001889 ngày 26/9/2023, bị cáo O số tiền 100.000 đồng theo biên lai thu số 0001890 ngày 26/9/2023 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân

Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS 2015, Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016

Buộc Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O, Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Lời nói sau cùng, tất cả các bị cáo đều xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O, Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2 tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời trình bày của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O phạm tội "*Đánh bạc*" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội *" Tổ chức đánh bạc"* quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2 phạm tội "*Đánh bạc*" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố các bị cáo với tội danh và Điều luật như trong Bản cáo trạng số: 69/KSĐT, ngày 19 tháng 10 năm 2023 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[2] Xét hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài thỏa mãn cho bản thân, nên đã tụ tập để sát phạt với nhau bằng việc lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền tại quán nước vợ chồng của bị cáo H và O. Không phải lao động nên các bị cáo bất chấp, hành vi này còn tìm ẩn nguy cơ làm khánh kiệt tài sản của chính gia đình các bị cáo và của nhiều người khi tham gia đánh bạc, đồng thời gây ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương.

[3] Xét về vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi tuy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vì không bàn bạc, phân công việc tổ chức tham gia chơi đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Thị Kiều O vừa tổ chức vừa tham gia đánh bạc, bị cáo Lâm Văn H1 làm cái để ăn thua nên mức độ nguy hiểm hơn các bị cáo còn lại. Chính vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Đối với tính chất cũng như mức độ phạm tội của từng bị cáo khác nhau. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra. Bị cáo Nguyễn Tấn H điện thoại rủ bị cáo Lâm Văn H1 đến quán để làm cái lắc tài xỉu. H tham

gia đặt tiền tài xỉu 02 bàn, mỗi bàn đặt 50.000 đồng đều thua, H nghỉ rồi đi tới đi lui để canh chừng Công an cho sòng tài xỉu. Trước đó vào ngày 28/02/2023 bị Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân xử phạt hình chính về hành vi "Dùng nhà, chổ ở, phương tiện, địa điểm khác của mình hoặc do mình quản lý để chứa chấp việc đánh bạc", với số tiền 7.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành 02 tội là tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại điểm a, đ khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự và tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu ngày 26/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". (đã xóa án tích). Tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để bị cáo tiếp tục nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi.

Bị cáo Lê Thị Kiều O lấy tiền xâu do bị cáo H1 làm cái lắc tài xỉu ra "Bảo" được 02 lần với số tiền là 100.000 đồng. O đã tham gia đặt tiền tài xỉu 02 bàn, mỗi bàn đặt 50.000 đồng đều thua. Ngoài ra, có 01 lần trước đó vợ chồng bị cáo H, O có tổ chức lắc tài xỉu tại địa điểm trên, người làm cái lắc tài xỉu (O không rõ tên gì, ở đâu) lắc ra bảo thì có cho tiền xâu O số tiền là 100.000đ, O đã tiêu xài hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành 02 tội là tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự và tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo O và H có mối quan hệ vợ chồng, nhân thân của bị cáo O chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng Điều 36 BLHS, giao bị cáo cho gia đình, chính quyền địa phương quản lý, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Lâm Văn H1 với vai trò làm cái lắc tài xỉu. Ngoài ra có 02 lần trước đó (trước ngày 26/6/2023) bị cáo H1 đến địa điểm trên tham gia đặt tiền tài xỉu thắng được 200.000đ, H1 đã tiêu xài hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu ngày 10/4/2017 bị Công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc", với số tiền 1.500.000 đồng (đã xóa). - Ngày 26/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". (đã xóa án tích). Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện nộp tiền khắc phục vi phạm nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục, cải tạo bị cáo là thỏa đáng

+ Đối với bị cáo D và T7: Các bị cáo đồng phạm với bị cáo H1, (vì bị cáo D giúp H1 làm cái; bị cáo T7 thì thu gom, chung chi tiền cho bị cáo H1) nên 02 bị cáo chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo H1.

+ Đối với các bị cáo còn lại: T4, L2, C1, C3, T5, K1, T9, N2, M1, B2 chỉ đặt tụ để ăn thua bằng tiền với nhà cái nên mức độ nguy hiểm thấp hơn. Chịu mức hình phạt thấp nhất. Tuy nhiên xét thấy bị cáo N2, M1 và T5 có nhân thân xấu, (từng có tiền án) bị cáo T4 có tiền sự về hành vi đánh bạc. Do đó N2, M1, T5, T4 phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo L2, C1, C3, K1, T9 và B2.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì:

- Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- Các bị cáo Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Trần Văn B2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Ngoài ra, bị cáo K1 có mẹ ruột tên Lê Thị B1 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo H1, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tự nguyện nộp tiền khắc phục vi phạm; bị cáo O đã tự nguyện nộp tiền khắc phục vi phạm. Do đó cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo còn lại: làm biện và đặt tụ, mức độ ăn thua thấp hơn bị cáo H1, các bị cáo đã bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam (cụ thể: Ngân giam: 2 tháng 20 ngày; D: 1 tháng 02 ngày; M1: 2 tháng 5 ngày; K1: 2 tháng 8 ngày; T4: 3 tháng 26 ngày; Lực: 2 tháng 22 ngày; Cường 1 tháng 6 ngày; T7: 2 tháng 5 ngày; B2: 24 ngày; C3: 09 ngày; T9: 06 ngày, T5: 03 tháng 06 ngày). Xét thấy các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng Điều 36 BLHS, giao bị cáo cho gia đình, chính quyền địa phương quản lý, giáo dục bị cáo là đủ.

Về hình phạt bổ sung: - Áp dụng khoản 3, Điều 322 BLHS

Phạt bị cáo Nguyễn Tấn H: 30.000.000 đồng

Phạt bị cáo Lê Thị Kiều O 25.000.000 đồng

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS:

Phạt bị cáo Lâm Văn H1: 30.000.000 đồng

Phạt bị cáo Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Tuấn K1 mỗi bị cáo 20.000.000 đồng

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Từ Thị Mỹ T9, Đặng Tấn L2, Trần Văn B2 (do có xác nhận gia đình khó khăn)

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Lê Thị Kiều O, Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Trần Văn B2, Từ Thị Mỹ T9, Nguyễn Tuấn K1.

Về Biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS 2015

- Tịch thu tiêu hủy: 03 hột xí ngầu, 01 cái đĩa đã bị bể, 01 cái cốc nhựa, 01 tấm cao su, 09 cái ghế nhựa.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Đối với số tiền 6.900.000 đồng thu tại chiếu bạc, 100.000 đồng thu của bị cáo L2, 200.000 đồng thu của bị cáo K1, 250.000 đồng thu của bị cáo B2, sử dụng để đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo L2 5.000.000 đồng; bị cáo T5 910.000 đồng; bị cáo K1 700.000 đồng; bị cáo T9 10.900.000 đồng, bị cáo H1 3.400.000 đồng vì không sử dụng đánh bạc; nhưng cần giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu của bị cáo O; 01 xe mô tô biển số 54Z6-0530 thu của bị cáo H1; 01 xe mô tô biển số 64Z1-2555 thu của bị cáo D; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đồng, 01 xe mô tô biển số 66F3-0800 thu của bị cáo T4; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen thu của bị cáo C1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng và 01 xe mô tô biển số 64K1- 279.18 thu của bị cáo C3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu bạc, 01 xe mô tô biển số 60Z2- 4082 thu của bị cáo T5; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu bạc màn hình cảm ứng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím màu hồng thu của bị cáo K1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Oppo màu đen thu của bị cáo T9; 01 xe mô tô biển số 65E1-357.90 thu của bị cáo N2; 01 xe mô tô biển số 64K1- 242.95 thu của bị cáo B2, vì là tài sản riêng của từng bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc.

- Tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước: chiếc xe mô tô biển số 68S9-0355, số máy VMEVA 2074973, số khung: không có, thu của bị cáo K1. Vì qua tra cứu xe này

không có trong hệ thống quản lý của Bộ C4. (xe do bị cáo K1 mua của người khác nhưng không rõ nguồn gốc),

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B trả lại: 01 xe mô tô biển số 64K1-009.95 cho chị Lê Thanh L4; số tiền 2.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe mô tô biển số 64K1-371.46 cho Lê Nhựt N6,

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T7 nộp số tiền thu lợi bất chính là 100.000 đồng (tiền làm vĩ cho bị cáo H1 có được), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước.

Buộc bị cáo Lê Thị Kiều O nộp số tiền thu lợi bất chính là 100.000đ (tiền xâu những ngày trước khi bị bắt quả tang), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lâm Văn H1 nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000đ (tham gia chơi đánh bạc khi bắt quả tang) và số tiền 200.000đ (tham gia chơi đánh bạc những ngày trước khi bắt quả tang), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS 2015, Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O, Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn H và Lê Thị Kiều O phạm tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc". Các bị cáo Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2 phạm tội "Đánh bạc".

1.1 Căn cứ điểm a, đ khoản 1, Điều 322; điều 17, điều 38; điểm s khoản 1 điều 51, điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn H**: 01 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc"

Căn cứ khoản 1, Điều 321; Điều 17, điều 58, điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H: 06 tháng tù về tội "Đánh bạc"

Căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt 02 tội bị cáo Nguyễn Tấn H phải chấp hành là: 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/9/2023.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 322; điều 17, điều 36; điểm s khoản 1, 2 điều 51, điều 58, điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Thị Kiều O** 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Tổ chức đánh bạc"

Căn cứ khoản 1, Điều 321; Điều 17, điều 58, điều 36; điểm s khoản 1,2 điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều O: 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"

Căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt bị cáo Lê Thị Kiều O phải chấp hành là 02 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 05/7/2023 là 27 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 02 năm 02 tháng 03 ngày.

1.3 Căn cứ khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 65; điểm s khoản 1, 2 điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo **Lâm Văn H1**: 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 07/12/2023

Giao bị cáo Lâm Văn H1 cho UBND xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành hình phạt tù và thử thách.

Gia đình bị cáo Lâm Văn H1 có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Lâm Văn H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người bị kết án cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1, điều 51 BLHS.

1.4 Xử phạt bị cáo **Lê Thành D**: 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/9/2023 là 03 tháng 06 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 năm 02 tháng 24 ngày.

1.5 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T7**: 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 19/10/2023 là 06 tháng 15 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 tháng 15 ngày.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm s khoản 1, điều 51 BLHS.

1.6 Xử phạt bị cáo **Bùi Thanh T5**: 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến ngày 29/9/2023 là 09 tháng 18 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 12 ngày.

1.7 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N2**: 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2023 đến ngày 19/10/2023 là 08 tháng (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 10 tháng.

1.8 Xử phạt bị cáo **Lâm Ngọc M1:** 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 19/10/2023 là 06 tháng 15 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 tháng 15 ngày.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS.

1.9 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T4**: 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/10/2023 là 11 tháng 18 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 tháng 12 ngày.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS.

1.10 Xử phạt bị cáo **Đặng Tấn L2**: 01 năm cải tạo không giam giữ

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến ngày 15/9/2023 là 08 tháng 06 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 03 tháng 24 ngày.

1.11 Xử phạt bị cáo **Đào Văn C1**: 09 tháng cải tạo không giam giữ

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2023 đến ngày 31/7/2023 là 03 tháng 18 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 05 tháng 12 ngày.

1.12 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C3**: 09 tháng cải tạo không giam giữ

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 05/7/2023 là 27 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 03 ngày.

1.13 Xử phạt bị cáo **Từ Thị Mỹ T9** 09 tháng cải tạo không giam giữ

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 01/7/2023 là 18 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 12 ngày.

1.14 Xử phạt bị cáo **Trần Văn B2** 09 tháng cải tạo không giam giữ

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 08/9/2023 là 02 tháng 12 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 06 tháng 18 ngày.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điều 17, điều 58, điều 36; điểm i, s khoản 1,2 điều 51 BLHS.

1.15 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn K1**: 01 năm cải tạo không giam giữ

Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến ngày 01/9/2023 là 06 tháng 24 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 05 tháng 06 ngày.

Giao các bị cáo Lê Thị Kiều O, Nguyễn Thành N2, Lê Thành D, Nguyễn Tuấn K1, Bùi Thanh T5, Đào Văn C1, Nguyễn Văn T7, Từ Thị Mỹ T9, Nguyễn Thị C3 cho UBND xã Tân Thành, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tân Thành trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Giao các bị cáo Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Trần Văn B2 cho UBND xã Thành Trung, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Thành Trung trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Lê Thị Kiều O, Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Từ Thị Mỹ T9, Trần Văn B2, Nguyễn Tuấn K1 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long nhận được quyết định thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3, Điều 322 BLHS

Phạt bị cáo Nguyễn Tấn H: 30.000.000 đồng

Phạt bị cáo Lê Thị Kiều O: 25.000.000 đồng

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS:

Phạt bị cáo Lâm Văn H1: 30.000.000 đồng

Phạt bị cáo Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Tuấn K1 mỗi bị cáo 25.000.000 đồng

Miễn hình phạt bổ sung cho Từ Thị Mỹ T9, Đặng Tấn L2, Trần Văn B2 (có xác nhận gia đình khó khăn).

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Lê Thị Kiều O, Lê Thành D, Nguyễn Văn T7, Bùi Thanh T5, Nguyễn Thành N2, Lâm Ngọc M1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Trần Văn B2, Từ Thị Mỹ T9, Nguyễn Tuấn K1.

3.Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS 2015

Tịch thu tiêu hủy: 03 hột xí ngầu, 01 cái đĩa đã bị bể, 01 cái cốc nhựa, 01 tấm cao su, 09 cái ghế nhựa,

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Đối với số tiền 6.900.000 đồng thu tại chiếu bạc, 100.000 đồng thu của bị cáo L2, 200.000 đồng thu của bị cáo K1, 250.000 đồng thu của bị cáo B2, sử dụng để đánh bạc.

Trả lại cho bị cáo L2 5.000.000 đồng; bị cáo T5 910.000 đồng; bị cáo K1 700.000 đồng; bị cáo T9 10.900.000 đồng, bị cáo H1 3.400.000 đồng vì không sử dụng đánh bạc; nhưng cần giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu của bị cáo O; 01 xe mô tô biển số 54Z6-0530 thu của bị cáo H1; 01 xe mô tô biển số 64Z1-2555 thu của bị cáo D; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đồng, 01 xe mô tô biển số 66F3-0800 thu của bị cáo T4; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen thu của bị cáo C1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng và 01 xe mô tô biển số 64K1- 279.18 thu của bị cáo C3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu bạc, 01 xe mô tô biển số 60Z2- 4082 thu của bị cáo T5; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu bạc màn hình cảm ứng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím màu hồng thu của bị can K1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Oppo màu đen thu của bị cáo T9; 01 xe mô tô biển số 65E1-357.90 thu của bị can N2; 01 xe mô tô biển số 64K1- 242.95 thu của bị cáo B2, vì là tài sản riêng của từng bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc.

Tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước: chiếc xe mô tô biển số 68S9-0355, số máy VMEVA 2074973, số khung: không có, thu của bị cáo K1. Vì qua tra cứu xe này không có trong hệ thống quản lý của Bộ C4. (xe do bị cáo K1 mua của người khác nhưng không rõ nguồn gốc).

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Tân trả lại: 01 xe mô tô biển số 64K1-009.95 cho chị Lê Thanh L4; số tiền 2.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe mô tô biển số 64K1-371.46 cho Lê Nhựt N6.

(Vật chứng hiện do chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đang tạm giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/10/2023, biên lai thu tiền số 0000323 ngày 24/10/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T7 nộp số tiền thu lợi bất chính là 100.000 đồng (tiền làm vĩ cho bị cáo H1 có được), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà Nước.

Buộc bị cáo Lê Thị Kiều O nộp số tiền thu lợi bất chính là 100.000đ (tiền xâu những ngày trước khi bị bắt quả tang), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo được khấu trừ vào số tiền 100.000đ theo biên lai thu số 0001890 ngày 26/9/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Buộc bị cáo Lâm Văn H1 nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000đ (tham gia chơi đánh bạc khi bắt quả tang) và số tiền 200.000đ (tham gia chơi đánh bạc những ngày trước khi bắt quả tang), để tịch thu xung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo được khấu trừ vào số

tiền 600.000đ theo biên lai thu số 0001889 ngày 26/9/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4.Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS 2015, Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn H, Lê Thị Kiều O, Lâm Văn H1, Nguyễn Văn T4, Đặng Tấn L2, Đào Văn C1, Nguyễn Thị C3, Bùi Thanh T5, Nguyễn Tuấn K1, Từ Thị Mỹ T9, Lê Thành D, Nguyễn Thành N2, Nguyễn Văn T7, Lâm Ngọc M1, Trần Văn B2, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- UBND xã Tân Thành và UBND xã Thành Trung (h. Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long);
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương